SỞ GDĐT TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT SỐ 1
NGUYỄN THỊ MINH KHAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 291/KH-S1NTMK

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 09 năm 2026

KẾ HOẠCH

Về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2026–2027

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Đắk Lắk và Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk, trong đó tập trung vào các văn bản sau:

Chương trình Giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026–2027;

Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2026–2027;

Chỉ thị số 25/CT-UBND ngày 16/8/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026–2027;

Văn bản số 3136/ SGDĐT-GDPT V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông

năm học 2026 – 2027 ngày 16 tháng 09 năm 2026 .

Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT về Điều lệ trường trung học;

Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT về Khung năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học; kết quả giáo dục trí tuệnhân tạo được xác định theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT.

Các văn bản hiện hành về kiểm tra, đánh giá; dạy thêm, học thêm; giáo dục hòa nhập; giáo dục STEM/STEAM; nghiên cứu khoa học kỹ thuật; chuyển đổi số; học bạ số và các nhiệm vụ giáo dục có liên quan.

2. Đặc điểm tình hình

Năm học 2026–2027, nhà trường tổ chức dạy học 17 lớp với quy mô học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục đã được phê duyệt. Đối tượng học sinh có sự khác biệt về năng lực, điều kiện học tập và khả năng tiếp cận công nghệ; trong đó có số lượng đáng kể học sinh dân tộc thiểu số, một bộ phận học sinh còn gặp khó khăn trong quá trình học tập.

Đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông. Nhà trường có điều kiện tiếp tục phát triển chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và ứng dụng công nghệ số. Nhà trường đã có hạ tầng Internet, phòng Tin học, phòng bộ môn, thiết bị dạy học và từng bước triển khai các hệ thống quản lý số, học bạ số, hồ sơ điện tử. Tuy nhiên, việc khai thác công nghệ, xây dựng học liệu số, sử dụng dữ liệu và ứng dụng AI giữa các giáo viên chưa đồng đều. Chất lượng học sinh giữa các lớp, các môn học và các nhóm đối tượng còn có sự chênh lệch. Vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm của công tác chuyên môn là quản lý chất lượng theo từng đối tượng học sinh; xác định học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, phân tích nguyên nhân, tổ chức hỗ trợ và theo dõi sự tiến bộ.

Bên cạnh đó, nhà trường tiếp tục tổ chức các hoạt động STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, hướng nghiệp, phát triển năng lực số và từng bước đưa trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tế.

Đối với học sinh lớp 12, cần tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá và ôn tập theo hướng phân hóa, hỗ trợ học sinh còn hạn chế, đồng thời phát triển năng lực đối với học sinh có nhu cầu và

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ YÊU CẦU THỰC HIỆN

1. Mục tiêu:

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông năm học 2026–2027; nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng thực chất, bền vững, lấy sự tiến bộ của học sinh làm trung tâm. Xây dựng trường học Hạnh phúc: Yêu thương – An toàn – Tôn trọng; trong đó mỗi học sinh được quan tâm, hỗ trợ và tôn trọng; mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ứng xử văn hóa.

Đổi mới quản lý và tổ chức dạy học theo hướng rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ kết quả; chú trọng dạy học phù hợp đối tượng, hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, phát triển năng lực học sinh; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng AI và chuẩn bị tốt cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

a) 100% tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục môn học, chuyên đề học tập và các nhiệm vụ chuyên môn được giao đúng tiến độ, bảo đảm yêu cầu.

b) 100% giáo viên thực hiện đúng chương trình, bảo đảm tiến độ, yêu cầu cần đạt và hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục theo phân công.

c) 100% tổ chuyên môn thực hiện phân tích kết quả học tập, kiểm tra, đánh giá; xác định nội dung học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt và đề ra biện pháp điều chỉnh phù hợp.

d) 100% học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt được xác định, hỗ trợ và theo dõi sự tiến bộ; học sinh có năng lực được phát hiện và tạo điều kiện phát triển.

e) 100% hoạt động kiểm tra, đánh giá thực hiện đúng quy định, bám yêu cầu cần đạt, bảo đảm khách quan, trung thực và phù hợp với đối tượng học sinh.

f) 100% tổ, nhóm chuyên môn duy trì sinh hoạt định kỳ, tập trung vào nghiên cứu bài học, dự giờ, chuyên đề, phân tích kết quả và hoạt động học tập của học sinh.

g) 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện các nhiệm vụ phát triển năng lực số theo kế hoạch của nhà trường; tăng cường tự học, tự bồi dưỡng và ứng dụng công nghệ, AI phù hợp, an toàn, hiệu quả.

h) 100% tổ chuyên môn xây dựng, khai thác và chia sẻ học liệu số phù hợp với môn học và điều kiện thực tế của học sinh.

i) 100% tổ chuyên môn triển khai các hoạt động STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, giáo dục hướng nghiệp và các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện nhà trường.

j) 100% học sinh lớp 12 được tổ chức ôn tập, phân hóa và theo dõi tiến bộ theo kế hoạch; kịp thời hỗ trợ học sinh gặp khó khăn trong học tập, chuẩn bị cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027.

k) Xây dựng môi trường giáo dục Hạnh phúc – Yêu thương, An toàn, Tôn trọng, bảo đảm học sinh được quan tâm, hỗ trợ và tôn trọng; cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện trách nhiệm, hợp tác và ứng xử văn hóa.

3. Yêu cầu thực hiện

Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn bảo đảm nguyên tắc : "Rõ người – rõ việc – rõ thời gian – rõ trách nhiệm – rõ sản phẩm – rõ kết quả"; đề cao tính chủ động, trách nhiệm và hiệu quả thực chất trong thực hiện nhiệm vụ.

Không tổ chức thực hiện mang tính hình thức; không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định và không cần thiết, tập trung thời gian, nguồn lực cho hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

Danh mục nhiệm vụ và sản phẩm chuyên môn là công cụ tổ chức, theo dõi và kiểm tra tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, không sử dụng trực tiếp để tính điểm thi đua. Việc đánh giá, xếp loại và tính điểm thi đua được thực hiện theo quy định riêng của nhà trường.*(Phụ lục 1 kèm theo)*

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng giáo dục:

1.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

Các tổ chuyên môn rà soát chương trình, yêu cầu cần đạt, điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và đặc điểm học sinh để xây dựng kế hoạch giáo dục môn học.

Kế hoạch giáo dục phải bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung chương trình, không cắt xén nội dung hoặc thời lượng; đồng thời có sự linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế.

Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ.

Nhóm trưởng chuyên môn trực tiếp rà soát kế hoạch của các môn học, thống nhất tiến độ, nội dung trọng tâm và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá.

Giáo viên chịu trách nhiệm thực hiện đúng kế hoạch đã được thống nhất; chủ động báo cáo tổ trưởng khi có khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ hoặc chất lượng thực hiện.

Sản phẩm: Kế hoạch giáo dục môn học; bảng theo dõi tiến độ; nội dung điều chỉnh khi cần thiết.

Thời gian: Hoàn thành đầu năm học và theo dõi trong suốt năm học trên hệ thống quản lí hồ sơ Edoc (https://edoc.edu.vn/dashboard).

1.2. Quản lý chất lượng theo từng nhóm học sinh

1.2.1. Khảo sát chất lượng

Tháng 09 tổ chuyên môn và giáo viên khảo sát, thu thập và phân tích thông tin về chất lượng học sinh, làm cơ sở tổ chức dạy học phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Việc xác định học sinh cần hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở yêu cầu cần đạt và mức độ tiến bộ của từng học sinh, không chỉ căn cứ vào điểm số; xác định rõ nội dung kiến thức, kỹ năng chưa đáp ứng, nguyên nhân, biện pháp hỗ trợ và thời gian theo dõi.

Giáo viên bộ môn chịu trách nhiệm trực tiếp hỗ trợ học sinh trong quá trình dạy học thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện, phụ đạo và các hình thức phù hợp; kiểm tra, đánh giá lại để xác định mức độ chuyển biến và điều chỉnh biện pháp khi cần thiết.

Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn theo dõi học sinh có khó khăn kéo dài, chuyên cần chưa bảo đảm hoặc có nguy cơ không hoàn thành chương trình; kịp thời trao đổi với tổ chuyên môn và nhà trường để có giải pháp hỗ trợ.

Tổ trưởng chuyên môn tổng hợp, phân tích chất lượng theo môn học, khối lớp và nhóm học sinh, định kỳ báo cáo Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, đồng thời đề xuất các giải pháp điều chỉnh dạy học.

Sản phẩm: Phân tích chất lượng học sinh; danh sách và nội dung cần hỗ trợ; biện pháp hỗ trợ; kết quả theo dõi và mức độ tiến bộ của học sinh.

Thời gian : Tháng 09/2026

1.2.2. Xác định học sinh chưa đạt và biện pháp hỗ trợ

- Giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh chưa đạt yêu cầu môn học theo từng lớp.

Chủ trì: GVBM.

Phối hợp: GVCN, tổ trưởng chuyên môn.

Thời gian: Từ tháng 9/2026 và cập nhật theo từng giai đoạn.

- Giáo viên bộ môn tập trung vào các biện pháp căn cơ: Tăng hoạt động luyện tập ngay trong tiết học;Giao nhiệm vụ vừa sức, có phân hóa; Kiểm tra ngắn để xác định mức độ tiến bộ; Hướng dẫn học sinh sửa lỗi; Giao nhiệm vụ cá nhân phù hợp; Phối hợp GVCN khi học sinh có nguy cơ kéo dài tình trạng chưa đạt; Theo dõi kết quả sau hỗ trợ.

- Không tổ chức hỗ trợ theo hướng hình thức hoặc chỉ giao thêm bài tập.

1.2.3. Dạy học phân hóa theo năng lực

Giáo viên xây dựng nhiệm vụ học tập phù hợp với các nhóm:

Nhóm chưa đạt;

Nhóm đạt yêu cầu;

Nhóm có khả năng phát triển cao.

Phân nhóm học tập để hoc sinh hỗ trợ lẫn nhau

Đối với học sinh có năng lực, tăng nhiệm vụ vận dụng, giải quyết vấn đề, nghiên cứu và mở rộng.

Sản phẩm: Các dữ liệu, minh chứng trên form hoặc các link thực hiện nhiệm vụ.

Thời gian: Trong năm học, đánh giá theo từng giai đoạn về sự tiến bộ của học sinh thông qua các bài kiểm tra.

1.3. Tổ chức dạy 2 buổi/ngày

Căn cứ chương trình, điều kiện thực tế và nhu cầu học tập của học sinh, nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo hướng linh hoạt, phù hợp đối tượng, góp phần nâng cao chất lượng và tạo cơ hội phát triển cho mỗi học sinh.

Nội dung buổi 2 tập trung vào:

Củng cố kiến thức, kỹ năng và khắc phục những nội dung học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt;

Rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, phát triển phẩm chất và năng lực;

Bồi dưỡng, phát huy năng lực và sở trường của học sinh;

Tổ chức các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, STEM/STEAM, hướng nghiệp và các hoạt động phù hợp với điều kiện nhà trường.

Tổ chuyên môn chủ động xây dựng nội dung, phân công giáo viên, tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá hiệu quả của buổi 2 thông qua sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh.

1.4. Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng lực

Tổ chuyên môn và giáo viên chủ động phát hiện, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển học sinh có năng lực, sở trường ngay trong quá trình dạy học.

Công tác bồi dưỡng học sinh có năng lực, học sinh tham gia các kỳ thi, cuộc thi được thực hiện có kế hoạch, đúng đối tượng, phân công giáo viên phụ trách, xác định nội dung, tiến độ và kết quả cần đạt; thường xuyên theo dõi, đánh giá và điều chỉnh phù hợp.

Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm tham mưu danh sách học sinh, giáo viên phụ trách, nội dung và kế hoạch bồi dưỡng; phối hợp theo dõi quá trình và kết quả thực hiện.

2. Đổi mới dạy học, kiểm tra đánh giá và nâng cao chất lượng :

2.1. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, giải quyết vấn đề, hợp tác, trải nghiệm và khai thác học liệu số phù hợp.

Chú trọng dạy học phân hóa, quan tâm đến sự khác biệt về năng lực, điều kiện học tập và nhu cầu của từng nhóm học sinh; đặc biệt hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh còn khó khăn trong học tập.

2.2. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Tổ chuyên môn tổ chức xây dựng và rà soát nội dung kiểm tra, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm theo quy định; bảo đảm bám yêu cầu cần đạt, phù hợp đối tượng học sinh, đánh giá đúng thực chất.

Khuyến khích sử dụng công nghệ và các hình thức kiểm tra phù hợp, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu đánh giá, tính khách quan, trung thực, khả năng tiếp cận của học sinh và không phát sinh chi phí không cần thiết.

Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức rà soát, thống nhất và kiểm soát chất lượng kiểm tra, đánh giá trong tổ.

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện kiểm tra, đánh giá trên máy tính(Mỗi nhóm CM thực hiện 1 lần nội dung KTTX trên máy tính/năm học).

Các đề/ nội dung kiểm tra/sản phẩm,…đều thể hiện trên dữ liệu quản lí hồ sơ.

Sản phẩm:

+ Đối với kiểm tra định kỳ, thực hiện đầy đủ: Ma trận → đặc tả → đề → đáp án/hướng dẫn chấm → tổ chức kiểm tra → chấm → phân tích kết quả → điều chỉnh dạy học.

+ Đối với bài kiểm tra thường xuyên: linh động, phù hợp với năng lực học sinh.

Thời gian: Trong năm học, các giai đoạn kiểm tra thường xuyên, định kì.

2.3. Phân tích và sử dụng kết quả đánh giá

Sau mỗi đợt kiểm tra, tổ chuyên môn và giáo viên phân tích kết quả theo môn học, lớp học, nội dung kiến thức và nhóm học sinh, xác định những nội dung học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt.

Kết quả phân tích được sử dụng để điều chỉnh dạy học, xác định học sinh cần hỗ trợ, theo dõi sự tiến bộ và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng.

Sau mỗi đợt kiểm tra định kỳ, tổ/nhóm chuyên môn phải phân tích: Tỷ lệ đạt/chưa đạt; Những nội dung học sinh mắc nhiều lỗi; Câu hỏi có tỷ lệ sai cao; Chênh lệch giữa các lớp; Học sinh cần hỗ trợ; Nội dung cần điều chỉnh trong dạy học.

Kết quả phân tích phải được sử dụng để điều chỉnh dạy học, không chỉ lưu hồ sơ.

2.4. Tổ chức ôn tập và chuẩn bị Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2027

Tổ chuyên môn tổ chức khảo sát, phân tích chất lượng học sinh lớp 12 và xây dựng kế hoạch ôn tập phù hợp với từng nhóm đối tượng, tập trung vào củng cố kiến thức nền tảng, rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng vận dụng.

Việc ôn tập được tổ chức theo các nhóm nâng cao, củng cố và cần hỗ trợ, trong đó giáo viên bộ môn chịu trách nhiệm theo dõi quá trình và kết quả của học sinh.

Sau mỗi đợt kiểm tra, thi thử, tổ chuyên môn phân tích kết quả, xác định nội dung còn hạn chế và kịp thời điều chỉnh kế hoạch, phương pháp và nhiệm vụ ôn tập.

Xây dựng kế hoạch ôn thi

Thực hiện sớm, ổn định, khoa học; bám chương trình và yêu cầu của kỳ thi.

Không dạy ôn theo kiểu dàn trải.

Phân nhóm học sinh, Từng môn xác định các nhóm:

+ Nhóm có khả năng đạt yêu cầu nhưng cần củng cố;

+ Nhóm cần tăng cường luyện tập;

+ Nhóm có nguy cơ bị điểm liệt

+ Nhóm có năng lực còn chưa đạt các môn.

Sau mỗi đợt kiểm tra/thử nghiệm:

Kết quả - phân tích - xác định vấn đề - hỗ trợ - kiểm tra lại - điều chỉnh.

Đặc biệt quan tâm học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh có nguy cơ không hoàn thành chương trình.

Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chỉ đạo chung, theo dõi tiến độ, tổng hợp chất lượng và tổ chức các đợt kiểm tra, thi thử theo kế hoạch.

Sản phẩm: Các kế hoạch, các kết quả phân tích,…

Thời gian từ tháng 09 năm 2026 đến khi thi TN.

3. Sinh hoạt chuyên môn, phát triển đội ngũ và chuyển đổi số

Đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng thiết thực, tập trung giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn dạy học, gắn với thực hiện chương trình, nghiên cứu bài học, phân tích kết quả học tập, dạy học phân hóa, hỗ trợ học sinh, kiểm tra đánh giá, STEM/STEAM và ứng dụng công nghệ, AI. Mỗi buổi sinh hoạt xác định rõ vấn đề cần giải quyết, kết quả và sản phẩm cần đạt; không tổ chức sinh hoạt mang tính hình thức, chỉ tập trung phổ biến văn bản hoặc báo cáo công việc.

Tăng cường nghiên cứu bài học, dự giờ và chia sẻ chuyên môn, tập trung phân tích hoạt động học, mức độ tham gia và sự tiến bộ của học sinh; sử dụng kết quả để điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và nhiệm vụ học tập, không nhằm phê bình hoặc đánh giá cá nhân giáo viên.

Phát huy vai trò quản trị chuyên môn của tổ trưởng, tổ phó và nhóm trưởng; tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quản lý tiến độ chương trình, theo dõi chất lượng, phân tích dữ liệu, phát hiện vấn đề, tổ chức giải pháp, hỗ trợ giáo viên và kịp thời báo cáo những nội

Mỗi đợt sinh hoạt có thể tập trung vào một trong các nội dung:

Phân tích chất lượng học sinh; Xử lý học sinh chưa đạt; Thiết kế hoạt động học; Dạy học phân hóa; Kiểm tra đánh giá; Nghiên cứu bài học; Phân tích giờ dạy; Xây dựng học

liệu dùng chung; Ứng dụng công nghệ số; Ứng dụng AI; STEM/STEAM; Hướng nghiệp; Ôn thi tốt nghiệp THPT.

Sản phẩm : Mỗi nội dung sinh hoạt phải có sản phẩm phù hợp, ví dụ:

+ Biên bản;

+ Kế hoạch;

+ Học liệu;

+ Đề kiểm tra;

+ Phân tích kết quả;

+ KHBD/thiết kế bài dạy;

+ Giờ dạy minh họa.

+ Phiếu học tập;

+ Sản phẩm học sinh;

+ Video/hình ảnh minh họa;

+ Học liệu tương tác;

+ Tài nguyên mở có kiểm chứng.

+ Nội dung điều chỉnh dạy học.

+ Biên bản sinh hoạt tổ/nhóm được hoàn thành và cập nhật theo quy định của nhà trường(2 BB/ nhóm và 1 BB/ tổ hàng tháng)

Đẩy mạnh phát triển đội ngũ theo hướng tự học – thực hành – tạo sản phẩm – chia sẻ – áp dụng, tập trung vào đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá, dạy học phân hóa, giáo dục học sinh dân tộc thiểu số, giáo dục hòa nhập, năng lực số, khai thác dữ liệu và ứng dụng AI.

Tổ chức phát triển năng lực số, học liệu số và lớp học số phù hợp với điều kiện thực tế; khuyến khích giáo viên xây dựng, khai thác và chia sẻ học liệu có chất lượng, hỗ trợ học sinh tự học. Việc ứng dụng công nghệ phải bảo đảm khả năng tiếp cận của học sinh, không áp dụng máy móc một nền tảng hoặc một thiết bị.

Áp dụng thực hiện lớp học số, chatbot,…. đã tập huấn năm học 2025- 2026, ưu tiên xây dựng kho học liệu số, lớp học số dùng chung, dễ tiếp cận và có hiệu quả.

Khuyến khích ứng dụng AI có trách nhiệm trong thiết kế bài dạy, xây dựng học liệu, câu hỏi, nhiệm vụ học tập và phân tích dữ liệu. Giáo viên phải kiểm chứng nội dung, bảo đảm tính chính xác, trung thực, an toàn dữ liệu và chịu trách nhiệm về sản phẩm sử dụng; không đồng nhất năng lực AI với việc sử dụng một công cụ hoặc kỹ thuật viết câu lệnh.

Tăng cường quản lý và khai thác dữ liệu chuyên môn phục vụ quản lý, dạy học và hỗ trợ học sinh; bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, kịp thời, thống nhất và có khả năng khai thác. Hạn chế việc nhập lại cùng một thông tin trên nhiều hệ thống khi không cần thiết, góp phần giảm hồ sơ, sổ sách và nâng cao hiệu quả công việc.

4. STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, hướng nghiệp và phát triển năng lực học sinh

4.1. Giáo dục STEM/STEAM

Tổ chuyên môn lựa chọn các bài học, chủ đề phù hợp để tổ chức tiết học STEM/STEAM hoặc dự án nhỏ – sản phẩm thật, gắn với chương trình, thực tiễn và điều kiện của nhà trường.

Khuyến khích học sinh vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề, thực hành, hợp tác, sáng tạo và tạo ra sản phẩm; ưu tiên những vấn đề gần gũi với học tập, đời sống và môi trường nhà trường như tiết kiệm điện, nước, bảo vệ môi trường, tái sử dụng vật liệu, ứng dụng công nghệ trong học tập...

Không tổ chức STEM/STEAM theo phong trào, không chạy theo sản phẩm cầu kỳ hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết. Tổ trưởng chuyên môn theo dõi việc thực hiện và chất lượng sản phẩm học tập.

Sản phẩm : Mỗi giáo viên các bộ môn KHTN thực hiện và có sản phẩm.

Thời gian: Trong năm học(TTCM thống kê cuối năm).

4.2. Nghiên cứu khoa học kỹ thuật

Chủ động phát hiện học sinh có hứng thú, năng lực nghiên cứu và sáng tạo thông qua các hoạt động dạy học, STEM/STEAM và trải nghiệm.

Khuyến khích học sinh lựa chọn những vấn đề gần gũi với đời sống, học tập và địa phương để tìm hiểu, khảo sát và đề xuất giải pháp. Giáo viên hướng dẫn hỗ trợ học sinh từ hình thành ý tưởng, xây dựng đề tài, thực hiện, hoàn thiện sản phẩm đến trình bày kết quả.

Tổ chuyên môn lựa chọn, rà soát và hỗ trợ các dự án có khả năng phát triển để tham gia các cuộc thi phù hợp.

Tham gia cuộc thi của Sở.

4.3. Giáo dục hướng nghiệp và định hướng sau THPT

Thực hiện hướng nghiệp thường xuyên thông qua môn học, hoạt động trải nghiệm, công tác chủ nhiệm và các hoạt động tư vấn, giúp học sinh hiểu bản thân, hiểu nghề và lựa chọn hướng đi phù hợp.

Tập trung hỗ trợ học sinh:

Giáo dục hướng nghiệp được thực hiện gắn với: Môn học; Môn lựa chọn; Năng lực và sở thích học sinh; Định hướng học tập sau THPT; Ngành nghề; Thông tin tuyển sinh.

Giáo viên bộ môn cung cấp thông tin liên quan đến đặc thù môn học và lĩnh vực nghề nghiệp.

GVCN theo dõi quá trình lựa chọn môn học, định hướng học tập của học sinh và phối hợp với GVBM khi cần thiết.

Khuyến khích tổ chức các hoạt động như giao lưu với cựu học sinh, cơ sở đào tạo, người làm nghề; tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp; tìm hiểu ngành nghề gắn với các môn học khi có điều kiện.

4.4. Phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh

Thực hiện các văn bản Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045"; Quyết định số 8451/BGDĐT-ĐANN ngày 11/12/2025 về việc triển khai thực hiện Đề án Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 3454/QĐ-BGDĐT ngày 17/12/2025 về Kế hoạch năm 2026 tại các đơn vị thuộc Bộ GDĐT thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hại trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045"; Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT ngày 12/2/2026 ban hành Kế hoạch năm 2026 thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045"

Từng bước xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh tự nhiên, gần gũi và phù hợp với học sinh, thông qua các hoạt động giao tiếp, câu lạc bộ và sản phẩm học tập.

Tổ Tiếng Anh chủ động tổ chức các hoạt động giao tiếp theo chủ đề, giới thiệu về trường và địa phương bằng tiếng Anh, poster/video tiếng Anh, hoạt động câu lạc bộ và lồng ghép tiếng Anh trong một số hoạt động STEM/STEAM, trải nghiệm(theo KH của môn HĐTNHN), môn GDTC cho các em tiếp cận ban đầu.

Việc phát triển môi trường tiếng Anh thực hiện theo lộ trình, phù hợp với năng lực học sinh và điều kiện đội ngũ; không mở rộng dạy học bằng tiếng Anh khi chưa bảo đảm các điều kiện cần thiết.

5. Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học

Thực hiện Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 15/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026–2027, nhà trường tổ chức thực hiện hiệu quả môn Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học, góp phần phát triển thể chất, sức khỏe và năng lực vận động của học sinh.

Tổ Giáo dục thể chất: Thực hiện chương trình Giáo dục thể chất theo đúng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018, phù hợp điều kiện sân bãi, thiết bị và đặc điểm học sinh; Tăng cường các hoạt động thực hành, rèn luyện thể lực; hình thành thói quen vận động và ý thức tự chăm sóc sức khỏe cho học sinh; Rà soát, khai thác hiệu quả sân bãi, dụng cụ, thiết bị; bảo đảm an toàn trong dạy học và hoạt động thể thao; Tổ chức, khuyến khích học sinh tham gia các môn thể thao phù hợp; phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu thể thao.

Phối hợp tổ chức các hoạt động thể thao trường học phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và phát triển toàn diện học sinh.

Sản phẩm: Kế hoạch giáo dục môn GDTC; theo dõi tiến độ thực hiện chương trình; rà soát sân bãi, thiết bị; kế hoạch và kết quả hoạt động thể thao trường học.

6.Chuyển đổi số và quản lý dữ liệu chuyên môn

Thực hiện cập nhật dữ liệu trên các hệ thống được nhà trường sử dụng theo nguyên tắc:Đúng – đủ – sạch – sống – thống nhất – dùng chung.

Các dữ liệu

+ Dữ liệu học sinh;

+ Kết quả học tập;

+ Chuyên cần;

+ Tiến độ chương trình;

+ Kết quả kiểm tra;

+ Hồ sơ điện tử;

+ Học bạ số;

+ Dữ liệu phục vụ quản lý chất lượng.

+ Dữ liệu quản lí “Sổ chủ nhiệm thông minh”.

IV. KIỂM TRA, GIÁM SÁT THỰC HIỆN

1. Kiểm tra thường xuyên

PHT phụ trách chuyên môn theo dõi: Tiến độ chương trình; Các hoạt động dạy học, dự giờ, chuyên đề; Hồ sơ chuyên môn; Sổ đầu bài; Việc thực hiện kế hoạch; Sinh hoạt tổ/nhóm; Kiểm tra đánh giá; Hỗ trợ học sinh chưa đạt; Chất lượng dạy học; Chất lượng học tập.

2. Kiểm tra theo dữ liệu

Ưu tiên sử dụng:Dữ liệu SMAS; Kết quả kiểm tra; Bảng theo dõi tiến độ; Biên bản tổ/nhóm; Danh sách học sinh chưa đạt; Kết quả sau hỗ trợ; Kết quả thanh tra, kiểm tra và các loại dữ liệu khác theo yêu cầu.

3. Nguyên tắc kiểm tra

Kiểm tra nhằm mục đích: Phát hiện khó khăn; Hỗ trợ giáo viên; Điều chỉnh hoạt động; Khắc phục tồn tại.

Không kiểm tra hình thức, đảm bảo và thực hiện đúng nguyên tắc giữ vững kỷ luật trong nhà trường

BGH kiểm tra, đôn đốc theo tuần; biểu dương tổ/giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kết quả thực hiện sẽ được tổng hợp báo cáo và đánh giá theo quy chế của nhà trường.

Kế hoạch chuyên môn là căn cứ xác định nhiệm vụ được giao và sản phẩm phải hoàn thành; việc đánh giá, xếp loại cá nhân thực hiện theo Khung tiêu chí kiểm điểm và đề nghị mức đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cá nhân của nhà trường; Không xây dựng thêm một thang điểm chuyên môn riêng.

Việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được xem xét trên các phương diện:

- Hoàn thành nhiệm vụ được giao

Căn cứ: Mức độ hoàn thành kế hoạch; Tiến độ; Chất lượng sản phẩm; Hiệu quả thực tế; Trách nhiệm cá nhân.

- Ý thức tổ chức kỷ luật

Căn cứ các quy định hiện hành của nhà trường về: Thực hiện nhiệm vụ được phân công; Sinh hoạt chuyên môn; Hồ sơ; Báo giảng; Sổ đầu bài; Chấm trả bài; Thời gian lên lớp; Các nội dung thuộc nội quy chuyên môn.

- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Căn cứ: Chất lượng thực hiện nhiệm vụ; Đổi mới phương pháp; Kiểm tra đánh giá; Hỗ trợ học sinh; Ứng dụng công nghệ; Tự học, bồi dưỡng; Tinh thần đổi mới, sáng tạo.

- Sản phẩm chuyên môn

Sản phẩm được sử dụng làm minh chứng, không tự động quy đổi thành điểm.

Việc cộng/trừ điểm thực hiện đúng khung đánh giá cá nhân của trường.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Hiệu trưởng

Chỉ đạo chung việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và kế hoạch chuyên môn của nhà trường

Phê duyệt kế hoạch giáo dục nhà trường và các kế hoạch chuyên môn theo thẩm quyền.

Chỉ đạo kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục; xem xét kết quả thực hiện và các vấn đề cần điều chỉnh.

Quyết định hoặc chỉ đạo thực hiện các giải pháp điều chỉnh khi cần thiết.

Chịu trách nhiệm chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

2. Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn

Tham mưu Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chuyên môn và tổ chức triển khai thực hiện.

Điều hành, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên. Theo dõi tiến độ thực hiện chương trình, chất lượng giáo dục và các nhiệm vụ chuyên môn theo kế hoạch.

Chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn thực hiện dạy học, kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả và các giải pháp nâng cao chất lượng. Theo dõi, chỉ đạo việc xác định, hỗ trợ và đánh giá sự tiến bộ của học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt.

Chỉ đạo công tác kiểm tra, đánh giá; tổ chức rà soát, phân tích và sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh dạy học. Chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong chuyên môn, phát triển năng lực số, khai thác học liệu số và ứng dụng AI phù hợp, an toàn, hiệu quả.

Kiểm tra việc thực hiện hồ sơ, dữ liệu và các sản phẩm chuyên môn theo quy định; hạn chế phát sinh hồ sơ, sổ sách không cần thiết.

Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch; tham mưu Hiệu trưởng các giải pháp điều chỉnh và thực hiện chế độ báo cáo với cấp trên theo quy định.

3. Tổ trưởng chuyên môn

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch của tổ phù hợp với kế hoạch giáo dục và kế hoạch chuyên môn của nhà trường. Phân công nhiệm vụ trong tổ; xác định rõ người thực hiện, thời gian và kết quả cần đạt.

Quản lý tiến độ thực hiện chương trình, nhiệm vụ chuyên môn và chất lượng giáo dục của tổ.Tổ chức sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo hướng giải quyết các vấn đề thực tế của dạy học; tổ chức nghiên cứu bài học, phân tích kết quả và thống nhất giải pháp.

Chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá, dạy học phân hóa và hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt.Phân tích kết quả học tập theo môn, khối lớp và nhóm học sinh; xác định vấn đề cần điều chỉnh và tổ chức thực

hiện giải pháp.Theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên; kịp thời hỗ trợ hoặc báo cáo Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn những vấn đề vượt thẩm quyền. Tổng hợp các sản phẩm chuyên môn của tổ theo yêu cầu; bảo đảm đầy đủ, đúng thời gian và không trùng lặp hồ sơ.

4. Nhóm trưởng chuyên môn

Điều hành hoạt động chuyên môn của nhóm theo phân công của tổ trưởng; Phối hợp thống nhất nội dung dạy học, tiến độ chương trình, nội dung ôn tập và các nhiệm vụ chuyên môn trong nhóm; Phối hợp xây dựng, rà soát và thống nhất nội dung kiểm tra, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm theo quy định; Theo dõi tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ của nhóm; kịp thời trao đổi những vấn đề phát sinh; Hỗ trợ, chia sẻ chuyên môn và học liệu với giáo viên trong nhóm.

Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất tổ trưởng giải pháp xử lý.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của tổ trưởng chuyên môn.

5. Giáo viên bộ môn

Thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ các nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục được phân công; Thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và yêu cầu cần đạt; chủ động điều chỉnh phương pháp, nhiệm vụ học tập phù hợp với đối tượng học sinh; Kiểm tra, đánh giá học sinh đúng quy định, khách quan, trung thực và phản ánh đúng mức độ đạt được của học sinh; Chủ động nhận diện, hỗ trợ và theo dõi sự tiến bộ của học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm khi cần thiết.

Tham gia đầy đủ và có trách nhiệm trong sinh hoạt chuyên môn, nghiên cứu bài học, phân tích kết quả và các hoạt động chuyên môn của tổ/nhóm; Thực hiện hồ sơ, cập nhật dữ liệu và các sản phẩm chuyên môn theo quy định, đúng thời gian; không tự phát sinh hồ sơ ngoài yêu cầu.

Chủ động tự học, tự bồi dưỡng; đổi mới phương pháp, khai thác học liệu và ứng dụng công nghệ, AI phù hợp với môn học và điều kiện thực tế.

Chịu trách nhiệm về chất lượng và kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

6. Giáo viên chủ nhiệm

Theo dõi tình hình học tập, chuyên cần, rèn luyện và những khó khăn của học sinh trong lớp; Phối hợp với giáo viên bộ môn theo dõi, hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt hoặc có nguy cơ không hoàn thành chương trình; Kịp thời nắm bắt học sinh có nguy cơ bỏ học, giảm sút kết quả học tập hoặc gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện; phối hợp với các lực lượng liên quan để hỗ trợ.

Phối hợp với giáo viên bộ môn, tổ chuyên môn và nhà trường trong công tác hướng nghiệp, định hướng học tập và lựa chọn lộ trình sau THPT; Trao đổi kịp thời với nhà

trường và cha mẹ học sinh về những vấn đề cần phối hợp hỗ trợ; bảo đảm thông tin đúng, đầy đủ và phù hợp.

Theo dõi kết quả hỗ trợ học sinh và phản hồi cho giáo viên bộ môn, tổ chuyên môn khi có vấn đề cần điều chỉnh.

Trên đây là KH chuyên môn tháng 9 năm học 2026- 2027, trong qua trình thực hiện nếu có vấn đề cần trao đổi liên hệ đ/c PHTCM. Những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện BGH sẽ có điều chỉnh.

Nơi nhận:
Như trên;
Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG SỐ 1 NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Phan Kim Phượng

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC SẢN PHẨM/CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN
NĂM HỌC 2026–2027

(Kèm theo Kế hoạch số: 291/KH-S1NTMK *ngày 17 tháng 09 năm 2026 của Trường THPT số 1 Nguyễn Thị Minh Khai)*

Nguyên tắc: Mỗi công việc được xác định theo 6 rõ: Rõ người – Rõ việc – Rõ thời gian – Rõ trách nhiệm – Rõ sản phẩm – Rõ kết quả. Phụ lục này không quy định điểm thi đua, hệ số hoặc điểm trừ.

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm/KPI	OKR/Kết quả then chốt	Số lượng	Tiến độ	Chủ trì	Phối hợp
1	Rà soát, xây dựng kế hoạch giáo dục môn học	KHGD môn học được phê duyệt	O: Bảo đảm KHGD phù hợp CTGDPT và điều kiện nhà trường. KR: 100% môn có KHGD được phê duyệt.	100%	9/2026	TTCM	GVBM
2	Rà soát phân phối chương trình, tiến độ dạy học	Bảng theo dõi tiến độ	O: Bảo đảm thực hiện chương trình đúng tiến độ. KR: 100% môn được theo dõi; nội dung chậm được xử lý.	100%	Hằng tháng	TTCM	Nhóm trưởng
3	Rà soát yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học	Biên bản/nội dung rà soát	O: Dạy học bám yêu cầu cần đạt. KR: Nội dung khó, chưa phù hợp được xác định và xử lý.	Theo đợt	Học kỳ	TTCM	GVBM
4	Tổ chức dạy học các môn lựa chọn, chuyên đề học tập	Phương án tổ chức; danh sách HS	O: Ổn định việc lựa chọn và tổ chức dạy học. KR: HS được tư vấn, bố trí và hỗ trợ theo quy định.	Theo thực tế	Đầu năm	PHT	TTCM, GVCN
5	Rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục khi phát sinh yêu cầu	Kế hoạch/biên bản điều chỉnh	O: Kế hoạch được cập nhật theo thực tế.	Theo thực tế	Cả năm	PHT	TTCM
6	Khảo sát, phân tích chất lượng đầu vào	Báo cáo phân tích đầu vào	O: Xác định đúng thực trạng chất lượng từng lớp/môn. KR: 100% lớp, môn được phân tích.	100%	9/2026	TTCM	GVBM
7	Xác định học sinh chưa đạt theo từng môn	Danh sách HS; nội dung chưa đạt	O: Xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ. KR: HS cần hỗ trợ được xác định theo môn/nội dung.	Theo thực tế	9–10/2026	GVBM	GVCN
8	Xây dựng biện pháp hỗ trợ học sinh chưa đạt	Kế hoạch/biện pháp hỗ trợ	O: Hỗ trợ đúng nguyên nhân, đúng nội dung. KR: Mỗi môn có giải pháp cụ thể.	Theo môn	10/2026	TTCM	GVBM
9	Theo dõi kết quả học sinh chưa đạt sau hỗ trợ	Bảng theo dõi tiến bộ	O: Học sinh có chuyển biến sau hỗ trợ. KR: Có đánh giá trước–sau từng đợt.	Theo đợt	Cả năm	GVBM	GVCN
10	Điều chỉnh dạy học trên cơ sở kết quả đánh giá	Nội dung điều chỉnh	O: Dữ liệu đánh giá được sử dụng để điều chỉnh dạy học.	Theo đợt	Cả năm	GVBM	TTCM
11	Bồi dưỡng học sinh có năng lực	Kế hoạch, danh sách, kết quả	O: Phát triển năng lực học sinh có năng khiếu. KR: Duy trì đội tuyển và tham gia theo kế hoạch.	Theo KH	Cả năm	TTCM	GVBM
12	Theo dõi chất lượng các lớp/nhóm có nguy cơ thấp	Báo cáo cảnh báo chất lượng	O: Phát hiện sớm nguy cơ để can thiệp.	Theo đợt	Cả năm	TTCM	GVBM, GVCN
13	Rà soát, thống nhất nội dung kiểm tra đánh giá	Nội dung/yêu cầu thống nhất	O: Đánh giá đúng yêu cầu cần đạt.	Theo đợt	Trước KT	TTCM	GVBM

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm/KPI	OKR/Kết quả then chốt	Số lượng	Tiến độ	Chủ trì	Phối hợp
14	Xây dựng ma trận/đặc tả và đề kiểm tra định kỳ	Ma trận/đặc tả; đề; đáp án	O: Đánh giá phù hợp yêu cầu cần đạt. KR: 100% bài kiểm tra định kỳ thực hiện đúng quy định.	100%	Theo lịch	TTCM	GVBM
15	Phân tích kết quả kiểm tra	Báo cáo phân tích	O: Chuyển kết quả kiểm tra thành thông tin điều chỉnh dạy học.	Theo đợt	Sau KT	TTCM	GVBM
16	Thực hiện dạy học phân hóa	KHBD/sản phẩm dạy học	O: Đáp ứng sự khác biệt về năng lực HS.	Theo KH	Cả năm	GVBM	TTCM
17	Tổ chức hoạt động học tập phát huy tính chủ động của HS	KHBD/sản phẩm HS	O: Tăng mức độ tham gia và tự học của HS.	Theo KH	Cả năm	GVBM	
18	Rà soát chất lượng đề kiểm tra sau sử dụng	Biên bản/nhận xét chuyên môn	O: Kịp thời điều chỉnh những vấn đề trong xây dựng đề.	Theo đợt	Sau KT	TTCM	Nhóm trưởng
19	Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn	Biên bản + nội dung/sản phẩm	O: Sinh hoạt tổ tập trung giải quyết vấn đề thực tế. KR: 100% cuộc họp đúng định kỳ, có nội dung cụ thể.	2 tuần/lần	Cả năm	TTCM	GV
20	Tổ chức sinh hoạt nhóm chuyên môn	Biên bản/sản phẩm nhóm	O: Tăng tính thống nhất trong dạy học.	2 tuần/lần	Cả năm	Nhóm trưởng	GV
21	Thực hiện chuyên đề chuyên môn	Chuyên đề + sản phẩm áp dụng	O: Giải quyết các vấn đề khó trong dạy học.	Theo KH	Cả năm	TTCM	GV
22	Nghiên cứu bài học/giờ dạy minh họa	KHBD + biên bản + nhận xét	O: Cải tiến hoạt động dạy học từ thực tế lớp học.	Theo KH	Cả năm	TTCM	GV
23	Chia sẻ học liệu, kinh nghiệm dạy học	Học liệu/sản phẩm dùng chung	O: Tăng khả năng dùng chung nguồn lực chuyên môn.	Theo KH	Cả năm	TTCM	GV
24	Theo dõi, hỗ trợ giáo viên thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Phiếu/bảng theo dõi	O: Kịp thời hỗ trợ GV còn khó khăn.	Theo đợt	Cả năm	TTCM	PHT
25	Đánh giá mức độ đáp ứng Khung năng lực số của giáo viên	Kết quả đánh giá + sản phẩm thực hành	O: Xác định mức độ đáp ứng NLS của GV. KR: 100% GV được đánh giá theo kế hoạch.	100%	Theo KH	PHT	TTCM
26	Xây dựng học liệu số phục vụ dạy học	Học liệu số	O: Tăng nguồn học liệu dùng trong dạy học.	Theo KH	Cả năm	TTCM	GVBM
27	Khai thác học liệu số và tài nguyên giáo dục mở	Sản phẩm/bài dạy có sử dụng	O: Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên số.	Theo KH	Cả năm	GVBM	
28	Ứng dụng AI trong thiết kế dạy học	Sản phẩm có sử dụng AI	O: AI hỗ trợ công việc chuyên môn nhưng bảo đảm kiểm chứng.	Theo KH	Cả năm	GVBM	TTCM
29	Kiểm chứng nội dung do AI tạo ra	Sản phẩm đã kiểm chứng	O: Hạn chế sai lệch thông tin và bảo đảm trách nhiệm chuyên môn.	Theo sử dụng	Cả năm	GVBM	TTCM
30	Theo dõi dữ liệu chuyên môn trên hệ thống số	Dữ liệu được cập nhật	O: Dữ liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời.	100%	Hằng tháng	PHT	TTCM
31	Tổ chức hoạt động STEM/STEAM	KH + sản phẩm HS	O: Gắn kiến thức môn học với thực tiễn.	Theo KH	Cả năm	TTCM	GVBM
32	Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học/kỹ thuật	Hồ sơ + sản phẩm	O: Phát triển năng lực nghiên cứu, sáng tạo.	Theo KH	Cả năm	TTCM	GVBM
33	Tổ chức hướng nghiệp gắn với môn học	Nội dung/hoạt động hướng nghiệp	O: Hỗ trợ HS lựa chọn hướng học tập sau THPT.	Theo KH	Cả năm	GVBM	GVCN
34	Theo dõi, tư vấn lựa chọn môn học/lộ trình học tập	Danh sách/tư vấn	O: HS được tư vấn phù hợp năng lực, nguyện vọng.	Theo nhu cầu	Cả năm	GVCN	GVBM

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm/KPI	OKR/Kết quả then chốt	Số lượng	Tiến độ	Chủ trì	Phối hợp
35	Xây dựng kế hoạch ôn thi tốt nghiệp THPT	Kế hoạch ôn tập	O: Ôn tập khoa học, bám chương trình.	01	Theo KH	PHT	TTCM
36	Phân hóa học sinh lớp 12 phục vụ ôn tập	Danh sách nhóm + nội dung ôn	O: Hỗ trợ phù hợp từng nhóm HS.	Theo môn	Cả năm	GVBM 12	TTCM
37	Theo dõi tiến bộ học sinh lớp 12	Bảng theo dõi kết quả	O: Phát hiện sớm HS có nguy cơ không hoàn thành chương trình.	Theo đợt	Cả năm	GVBM	GVCN
38	Phân tích kết quả thi thử/đánh giá định kỳ lớp 12	Báo cáo phân tích	O: Điều chỉnh ôn tập theo dữ liệu thực tế.	Theo đợt	Cả năm	TTCM	GVBM

Ghi chú: Các chỉ tiêu trong phụ lục là căn cứ theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sản phẩm đầu ra. Việc chấm điểm, quy đổi điểm, hệ số và điểm trừ (nếu có) được thực hiện tại quy chế/tiêu chí thi đua riêng của nhà trường, không quy định trong phụ lục này.(O= mục tiêu, KR: sản phẩm, kết quả)./.